



MS: 2408.9064

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)**

VIMCERTS  
052

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN  
NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Kí hiệu mẫu : Nước thải đầu vào (Bể điều hòa trạm xử lý nước thải)  
Tọa độ: 0580634; 1214839

Ngày lấy mẫu : 14/08/2024

Ký hiệu PTN : 2408.1621/1

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp đo đạc/phân tích
1	Nhiệt độ	°C	29,3	SMEWW 2550 B :2023
2	pH, ở 25°C	-	6,97	TCVN 6492 :2011
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	96	SMEWW 2120 C :2023
4	TSS	mg/L	316	TCVN 6625:2000
5	COD	mg/L	1940	SMEWW 5220 C :2023
6	BOD <sub>5</sub>	mg/L	1425	SMEWW 5210 B :2023
7	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	0,6	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> B&C :2023
8	Tổng Nitơ	mg/L	21,5	TCVN 6638:2000
9	Tổng Phospho	mg/L	10,9	SMEWW 4500-P.B&D :2023
10	Sunfua	mg/L	1,52	SMEWW 4500 S <sup>2</sup> .B&D :2023
11	Clo dư	mg/L	KPH (MDL = 0,03)	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	2,0	SMEWW 5520 B&F :2023
13	Coliform	MPN/100mL	79000	SMEWW 9221B:2023

**Ghi chú:** Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016, TCVN 663-14:2018; TCVN 8880:2011.

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Đại diện phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 21 tháng 08 năm 2024

Giám đốc



Huỳnh Ngọc Phương Mai

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.  
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.  
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: BM.07.06-N+R

Lần ban hành: 08

Ngày ban hành: 16/10/2023

Trang: 1/1



MS: 2408.9065

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

VIMCERTS 052

Nơi lấy mẫu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI
Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
Kí hiệu mẫu : Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý (mương xả trạm quan trắc online)
Ngày lấy mẫu : 14/08/2024
Ký hiệu PTN : 2408.1621/2

Table with 6 columns: Stt, Chỉ tiêu, Đơn vị, Kết quả, QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Phương pháp đo đạc/phân tích. Rows include parameters like Nhiệt độ, pH, Độ màu thực, TSS, COD, BOD5, N-NH4+, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Sunfua, Clo dư, Dầu khoáng, As, Hg, Cd, Pb, and Coliform.

Ghi chú: Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016, TCVN 663-14:2018; TCVN 8880:2011

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, Trong đó:

Cmax: Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.(mg/L).

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 mục 2.2,

Kq= 0,9 : Là hệ số Lưu Lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải có Q ≤ 50 m³/s,

Kf= 1,0: Là hệ số theo Lưu Lượng nguồn thải có 500 < F ≤ 5000 m³/24h,

Áp dụng giá trị tối đa cho phép Cmax = C (không áp dụng hệ số Kq và Kf đối với các thông số: Nhiệt độ, pH, độ đục, Coliform).

Đại diện phòng phân tích

Signature of Đỗ Lâm Như Ý

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 21 tháng 08 năm 2024

Chiam/đọc

Signature and stamp of Huỳnh Ngọc Phương Mai

Mã số: BM.07.06-N+R

Lần ban hành: 08

Ngày ban hành: 16/10/2023

Trang 1/1

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.





MS: 2408.9066-9068

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)**

VIMCERTS  
052

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Ngày đo đạc và lấy mẫu : 14/08/2024

Ký hiệu PTN : 2408.1621/3-5

Vị trí đo đạc : **KT1:** Ống số 1 - ống thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi xuất gạo  
(VN2000: 0580106; 1214536)  
**KT2:** Ống số 2 - ống thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi xuất malt  
(VN2000: 0580096; 1214540)  
**KT3:** Ống số 3 - ống thoát khí thải của Hệ thống xử lý bụi nhập malt, gạo  
(VN2000: 0580205; 1214533)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ( $C_{max} = C * K_p * K_v$ ) với $K_p = 0,9$ ; $K_v = 1$	Phương pháp đo đạc/ phân tích
			KT1	KT2	KT3		
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL = 10)	25	17	180	US EPA Method 5

**Ghi chú:**

- CVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- $C_{max}$ : nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm<sup>3</sup>).
- C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
- $K_p = 0,9$ : hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng  $20.000 < P \leq 100.000$  m<sup>3</sup>/h.
- $K_v = 1$ : hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.
- KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Đại diện phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 20 tháng 08 năm 2024

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.  
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.  
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: BM 07-06 KK-KT  
Lần ban hành: 05  
Ngày ban hành: 16/10/2023

Trang 1/1